

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/DS-PT

Ngày: 27/01/2022

V/v tranh chấp “Yêu cầu mở lối
đi qua bất động sản liền kề”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt;**
Ông **Huỳnh Việt Trung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Quang Minh** - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Từ Thị Kỳ** -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 7 năm 2021 về việc tranh chấp “Yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 149/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 254/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

- Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1956; (Có mặt)

- Chị Châu Thị L1, sinh năm 1976; (Có mặt)

- Ông Châu Văn B, sinh năm 1943 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Phan Bá K, sinh 1971; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 39/1 đường S, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn N, sinh năm 1948; (Có mặt)

Địa chỉ: Số 559, tổ 14, Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950; (Vợ ông N) (Có mặt)
- Chị Phan Thị Ngọc Đ, sinh năm 1980; (Con ông N) (Có mặt)
- Chị Phan Thị Ngọc M, sinh năm 1977; (Con ông N)

Cùng địa chỉ: Số 559, tổ 14, Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của chị Phan Thị Ngọc M: Chị Phan Thị Ngọc Q, sinh năm 1983. Là người đại diện theo ủy quyền, theo giấy ủy quyền ngày 20/7/2020. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Phan Thị Ngọc Q, sinh năm 1983; (Con ông N) (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Anh Phan Ngọc T, sinh năm 1973; (Con ông N) (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Phan Thị Ngọc H, sinh năm 1970;

Địa chỉ : Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho chị H: Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1950; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Anh Phan Văn T1, sinh 1985; (Có mặt)
- Chị Lê Thị B, sinh năm 1988; (Xin vắng mặt)
- Chị Phan Thị Minh N1, sinh năm 1972; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978; (Có mặt)
- Anh Lý Quang V, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)
- Trần Nguyễn Bảo N2, sinh năm 2001; (Xin vắng mặt)
- Lý Nguyễn Thành Đ1, sinh ngày 30/4/2010;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật cho Lý Nguyễn Thành Đ1: Chị Nguyễn Thị T2t, sinh năm 1978 (mẹ ruột);

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Phan Thị Phương Y, sinh năm 1970; (Em ông K; xin vắng mặt mặt B1 số 105)

- Anh Châu Văn A, sinh năm 1985; (Xin vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1945; (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Chị Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1980; (Xin vắng mặt)
- Chị Phan Thị Hồng T3, sinh ngày 14/02/1995; (Vắng mặt)
- Phan Thị Ngọc G, sinh ngày 05/08/2006; (Vắng mặt)
- Phan Bá K1, sinh ngày 26/9/2008;
- Phan Bá K2, sinh ngày 07/07/2010;

Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 39/1, đường S, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật cho Phan Thị Ngọc G, Phan Bá K1 và Phan Bá K2: Ông Phan Bá K, sinh năm 1971 (cha ruột).

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số 39/1 đường S, phường T, quận T1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn N, người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan Nguyễn Thị N1, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

**. Nguyên đơn ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1, bà Phan Thị Ngọc L, anh Phan Bá K cùng trình bày:*

Ông Châu Văn B được quyền sử dụng đất diện tích còn lại là 1.302,3m² thuộc thửa số 3364 loại đất ở N thôn + cây lâu năm (được cập nhật vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/02/2019) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 05/05/1998; Chị Châu Thị L1 được quyền sử dụng đất diện tích 300,7m², thuộc thửa số 3363, loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 26/02/2019; Và đất của ông Phan Văn T (chết năm 2012 là cha ruột của bà Phan Thị Ngọc L, Phan Bá K, Phan Thị Phượng Yến) diện tích 3.279m² gồm thửa số 508 - diện tích 1.057m², mục đích sử dụng T +Lnk; thửa 510, diện tích 871m² loại đất T +Q và thửa 1358, diện tích 1.351m² loại đất lúa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/12/1998 do ông Phan Văn Tỷ đứng tên. Tất cả các thửa đất nêu trên đều tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Hộ gia đình ông B, chị L1, bà L, anh K cùng đang sinh sống tại các thửa đất nêu trên.

Để đi từ phần đất của các nguyên đơn ra đường công cộng phải đi qua một phần của thửa đất số 512, diện tích 349m², tọa lạc ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N. Nguyên lối đi này có từ trước năm 1975 là đất của ông Trần Văn P. Sau đó gia đình ông Phan Văn N đến mua đất cất nhà, các hộ ở phía trong vẫn tiếp tục đi. Đến khoảng năm 2005 - 2006 Nhà nước đào kênh, các hộ phía trong vẫn đi trên bờ đê gần nhà ông Phan Văn N. Từ nhà ông N với lối đi đang tranh chấp được ngăn cách một hàng rào do gia đình ông N xây dựng. Vào mùa mưa đường đất trơn trượt sinh lầy, các hộ ở phía trong có ý kiến đắp đê đi cho sạch sẽ, nhưng gia đình ông N không cho vì cho rằng lối đi này thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông N, nên các bên phát sinh tranh chấp. Qua hòa giải ở địa phương các nguyên đơn thống nhất diện tích lối đi hiện đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N. Nay yêu cầu ông Phan Văn N và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan là các thành viên trong hộ ông N vẫn tiếp tục mở lại lối đi cũ để cho các hộ ở phía trong cùng đi. Vì ngoài lối đi này ra, không còn lối đi nào khác để

đi ra đường công cộng. Lối đi có chiều ngang khoảng 1m và chiều dài khoảng 20m. Các nguyên đơn đồng ý hoàn trả lại giá trị đất thành tiền cho ông N.

Ngày 21/7/2020 anh Phan Bá K là nguyên đơn, có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện tranh chấp về yêu cầu mở lối đi qua đất của ông Phan Văn N. Lý do hiện nay anh đang sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh, việc tranh chấp trên không L quan và cũng không ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và có đơn xin vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. (Bút lục số 23, 24)

Ông Châu Văn B, bà Phan Thị L, chị Châu Thị L1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Phan Văn N và những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan trong hộ ông N là bà N1, chị Đ, chị M, anh T, chị H, chị Q tiếp tục mở lối đi cũ, có chiều ngang phần đầu giáp với đường ranh Tam Hiệp - Thân Cửu Nghĩa khoản 1,93m và chiều ngang phần cuối giáp với thửa đất 508 của ông Phan Văn Tỷ khoảng là 1,55m; Chiều dài giáp với kênh là 28,62m, chiều dài có cạnh giáp với phần đất còn lại của ông Phan Văn N là 28,06m. Tổng diện tích đất yêu cầu mở lối đi là 38,3m². Có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp với con kênh công cộng;
- Hướng Nam giáp với phần đất còn lại của thửa 512 do ông Phan Văn N đứng tên;
- Hướng Đông giáp với đường ranh Tam Hiệp - Thân Cửu Nghĩa;
- Hướng Tây giáp với thửa 508 của ông Phan Văn Tỷ.

(Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2020)

Ông B, bà L, chị L thống nhất với biên bản thẩm định và định giá, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất cùng ngày 19/8/2020. Trên phần đất tranh chấp không có tài sản nên không yêu cầu giải quyết. Đồng ý đền bù giá trị đất thành tiền cho hộ ông Phan Văn N theo biên bản thẩm định và định giá ngày 19/8/2020, giá chuyển nhượng thực tế tại đại phương đối với đất cây lâu năm là 500.000 đồng/m² và đất ở N thôn là 600.000 đồng/m². Nay các nguyên đơn thống nhất đồng ý đền bù phần đất yêu cầu mở lối đi là 600.000 đồng/m² x 38,3m² thành tiền là 22.980.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Đối với chi phí tố tụng là chi phí thẩm định và định giá, ông B, bà L, chị L tự nguyện chịu, không yêu cầu giải quyết.

**. Bị đơn ông Phan Văn N và người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn N là chị Phan Thị Ngọc Đ trình bày:*

Nguồn gốc đất thửa 512, diện tích 349m², loại đất T+Q, tờ bản đồ số 03 tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do ông Phan Văn N đứng tên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/03/2001, nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn K vào năm 1987 và cất nhà ở. Đến khoảng năm 2005 Nhà nước đào kênh và thu hồi một phần diện tích 33,7m² thuộc thửa 512 theo quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 03/04/2006. Các hộ gia đình ông Phan Bá K, Phan Thị Ngọc L và Phan Thị Minh N ở phía trong không có lối đi ra đường công cộng nên ông N chừa một lối đi cho các hộ phía trong để đi, vì nghĩ tình

làng nghĩa xóm. Đến năm 2015 thì anh Phan Văn T1 mới cất nhà và cùng đi lối đi này.

Riêng đối với ông Châu Văn B trước đây đi trên phần đất của ông Trần Văn Phương, sau khi Nhà nước làm con kênh ông Phương không cho hộ ông B đi nữa, ông B mới bắt cầu qua đất của ông Phan Văn T và cùng đi chung với các hộ khác qua đất của ông N. Đến năm 2018 ông Phan Bá K nhận chuyển nhượng đất của ông Trần Văn Phương thửa 1718 diện tích 1.431,2m², tờ bản đồ số 3 tại ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/01/2018. Sau đó ông Khanh yêu cầu gia đình ông N mở rộng lối đi vì cho rằng lối đi này là đường đi công cộng. Ngày 06/9/2019 Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp tiến hành hòa giải và xác định lối đi đang tranh chấp không phải lối đi công cộng mà phần đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N và đề nghị các hộ có tên trong đơn phải thỏa thuận với ông N để tạo lối đi, nhưng các hộ này không thỏa thuận bất cứ điều gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn vì các lý do như sau: Vào năm 2018 ông Phan Bá K chuyển nhượng đất của ông Phương và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1718 diện tích 1.431,2m², phần đất này có cạnh giáp với đường ranh T – T1 và liền với đất của ông Châu Văn B, Châu Thị L1, tiếp đến cây cầu (do gia đình ông B xây dựng) bắt qua con kênh là đến thửa 508 (đất của ông Phan Văn T là cha của ông Khanh, bà L, bà P). Do đó hộ bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B và chị Châu Thị L1, anh Phan Văn T1, Phan Thị N1, Phan Thị Phương Y tất cả là cùng bà con ruột thịt với nhau. Vì vậy các hộ ở phía bên trong nên thỏa thuận với ông Phan Bá K để tạo lối đi chung. Mặt khác, hiện nay tường nhà của ông Phan Văn N đã bị nứt nếu để cho các hộ phía trong tiếp tục sử dụng lối đi cũ sẽ làm ảnh hưởng đến cấu trúc căn nhà của ông N.

Về diện tích đất tranh chấp, chị thống nhất là 38,3m² theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2020, có vị trí tứ cận:

- Hướng Bắc giáp với con kênh công cộng;
- Hướng Nam giáp với phần đất còn lại của thửa 512 do ông Phan Văn N đứng tên;
- Hướng Đông giáp với đường ranh T - Thân Cử Nghĩa;
- Hướng Tây giáp với thửa đất 508 của ông Phan Văn T.

Chị không đồng ý với giá đất mà Hội đồng đã định ngày 19/8/2020, nhưng không yêu cầu định giá lại.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q, Phan Thị Ngọc M, Phan Ngọc T, bà Nguyễn Thị N1 đồng thời là người đại diện theo pháp luật cho chị Phan Thị Ngọc H cùng trình bày:*

Thống nhất với ý kiến của chị Phan Thị Ngọc Đ là người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn N. Không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Vì phần đất tranh chấp là hành lang bảo vệ nhà của ông N, nếu vẫn để tiếp tục cho đi sẽ ảnh hưởng đến bức tường nhà của gia đình. Trước kia gia đình ông N đồng ý cho các hộ phía trong đi, do họ không có lối đi nào khác để đi ra ngoài

và cũng vì tình làng nghĩa xóm. Nay ông Phan Bá K đã chuyển nhượng được thửa đất 1718 từ ông Trần Văn P nên có thể tạo lối đi cho các hộ phía trong cùng đi, vì phần đất này có cạnh giáp với đường đi công cộng và giáp với đất ông Châu Văn B, Châu Thị L1. Các hộ phía trong hộ bà L, hộ anh T1, hộ bà N1, chị Phượng Y đều là bà con ruột thịt với ông Khanh, nếu muốn đi thì tự thỏa thuận với nhau để đi. Mặt khác, hộ bà L có thể thương lượng với ông Trần Văn M để chuyển nhượng phần đất mở lối đi, hiện giữa đất ông M và phần đất bà L cùng các hộ phía trong đang sinh sống có xây dựng hàng rào (do ông M rào), bà L và các hộ phía trong thương lượng thì ông M sẽ đồng ý chuyển nhượng. Ngoài ra, còn có lối đi song song cặp bờ kênh là đi ngược vào trong thửa 508 có hàng rào (do bà L rào), nếu bà L mở ra có thể đi qua đất chủ khác, sau đó thì đi ra đường công cộng. Có 03 hướng để hộ bà L, ông B, chị L mở lối đi.

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Phan Thị Phượng Y, Nguyễn Thị Tuyết, anh Lý Quang Vũ, Phan Thị Minh nguyệt, anh Phan Văn T1, chị Lê Thị B cùng trình bày:*

Hiện nay các anh chị đang sinh sống trên thửa đất của ông bà cha mẹ để lại tại ấp 1, xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, nằm phía sau thửa đất của ông Phan Văn N. Để đi được ra ngoài thì phải qua thửa đất 508 do ông Phan Văn Tỹ (chết) đứng tên và thửa 512 của ông Phan Văn N rồi mới đến đường đi công cộng. Ngoài con đường này ra không còn con đường nào khác để đi. Từ tháng 5/2019 các hộ phía trong có dự định đổ đá sửa chữa lại con đường để đi thuận tiện, nhưng gia đình ông Phan Văn N không cho, hai bên dẫn đến phát sinh tranh chấp và thưa ra chính quyền địa phương giải quyết. Nay các anh chị cùng thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà L, chị L, ông B. Yêu cầu hộ gia đình ông Phan Văn N vẫn tiếp tục mở lối đi cũ để cho các hộ ở phía trong đi ra đường công cộng vì ngoài lối đi này ra không còn lối đi nào khác.

**. Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan Châu Văn An bà Nguyễn Thị Phải thống nhất với ý kiến của ông Châu Văn B, không ý kiến gì thêm.*

**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan là chị Phạm Thị Ngọc Loan, Phan Thị Hồng Thắm, Phan Thị Ngọc Giàu cùng trình bày:*

Trước đây gia đình ông Phan Bá K cùng sống trên căn nhà và các thửa đất của ông Phan Văn Tỹ (chết năm 2012) tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Gia đình ông Phan Văn Tỹ đã sinh sống trên các thửa đất này trước năm 1975 cho đến nay. Hiện nay gia đình ông Phan Bá K sinh sống và tạm trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó việc tranh chấp yêu cầu mở lối đi giữa các bên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các anh chị nên không có ý kiến và yêu cầu gì đối với vụ kiện tranh chấp nêu trên.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 149/2021/DS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm 1 khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ điểm 1 khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh Phan Bá K về việc yêu cầu mở lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 về việc yêu cầu mở lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N.

Buộc hộ ông Phan Văn N gồm: Ông Phan Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc Hà (bà Nguyễn Thị N1 đại diện theo pháp luật cho chị Hà) tạo cho hộ bà Phan Thị Ngọc L, hộ ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 lối đi có tổng diện tích là 38,3m² thuộc thửa 512, tờ bản đồ số 3, loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2561 cấp cho hộ Phan Văn N ngày 13/3/2001, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp với con kênh công cộng;
- Hướng Nam giáp với phần đất còn lại của thửa 512 do ông Phan Văn N đứng tên;
- Hướng Đông giáp với đường ranh Tam hiệp - Thân Cửu Nghĩa;
- Hướng Tây giáp với thửa đất 508 do ông Phan Văn Tỷ đứng tên.

(Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2020).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 là chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua, đền bù cho hộ ông Phan Văn N là chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền với số tiền là 22.980.000 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Hai bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1, ông Phan Văn N được đăng ký đất đai theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021, bị đơn Phan Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị N1, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Q kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do: ông Phan Bá K là em ruột bà L có thửa đất 1718 liền kề với thửa 367; 508; 509; 510. Thửa đất 1718 của ông Khanh một mặt song song kênh công cộng, một mặt tiếp giáp đường công cộng rất thuận lợi cho các hộ nguyên đơn mở lối đi ra đường công cộng. Phần đất xin mở lối đi cập kênh công cộng mà căn nhà của hộ gia đình ông N đã sát kênh phần đất nguyên đơn xin mở lối đi là hành Lg bảo vệ nhà. Các hộ nguyên đơn đi lại trên phần đất này đã làm sụt lún ảnh hưởng kết cấu căn nhà, làm cho sinh hoạt gia đình ông bị đe dọa. Việc nguyên đơn đi lại trên phần đất sát nhà gây ra tiếng ồn cả ngày lẫn đêm làm ảnh hưởng sức khỏe, tinh thần của gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông N, bà Nguyệt, anh T, chị Mai, chị Đ, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Các đương sự không có thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Các đương sự thực hiện, quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

Về quan điểm giải quyết vụ án, kiểm sát viên nhận định: Tòa án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1. Buộc hộ ông Phan Văn N gồm: Phan Văn N, Nguyễn Thị N1, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc Hà tạo cho hộ Châu Thị L1 một lối đi diện tích 38,3m² thuộc thửa đất 512 tờ bản đồ số 3 do ông Phan Văn N đại diện hộ đứng tên. Ghi nhận bà L, ông B, chị L tự nguyện đền bù cho hộ ông N 22.980.000 đồng và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Bá K là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe phát biểu tranh luận của các đương sự và ý kiến phân tích, đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát. Xét thấy:

[1] Các đương sự: Phan Văn N, Nguyễn Thị N1, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Q thực hiện quyền kháng cáo bản

án sơ thẩm đúng theo Điều 271, 272, 273, khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Chị Phan Thị Ngọc Mủy quyền cho chị Phan Thị Ngọc Q làm đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Việc ủy quyền được thực hiện đúng quy định của Điều 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị N1 là người đại diện theo pháp luật cho chị Phan Thị Ngọc Hà. Anh Phan Bá K là người đại diện theo pháp luật cho Phan Thị Ngọc Giàu, anh Phan Bá Khang, Phan Bá Khả theo quy định tại Điều 85, 86 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 136 của Bộ luật dân sự. Các đương sự: Lê Thị B, Lý Quang Vũ, Trần Nguyễn Bảo Nhi, Phan Thị Phương Yến, Châu Văn An, Nguyễn Thị Phải, Phan Thị Ngọc Loan, Phan Thị Hồng Thắm, Phan Thị Ngọc Giàu có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn mở lối đi qua bất động sản liền kề trên đất của bị đơn đứng tên. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 5 và khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 245, 246, 247, 248, 254 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Các hộ Châu Văn B sử dụng 1.302,2m² thuộc thửa đất số 3364; Châu Thị L1 sử dụng 300,7m² thuộc thửa đất số 3363; Phan Thị Ngọc L, Phan Thị Phương Yến, Phan Bá K cùng sử dụng 3.279m² (Thuộc các thửa 508 diện tích 1.057m² thửa 510 diện tích 871m² và thửa 1358 diện tích 1.351m²) đều do ông Phan Văn Tỷ đứng tên chết để lại. Các thửa đất này đều do hộ ông B, chị L, bà L, chị Yến và anh Khanh quản lý sử dụng tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Trước đây các hộ này đi ra đường công cộng (Ranh xã Tam Hiệp, xã Tân Cửu Nghĩa, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang) thì đi trên bờ kênh song song với đất ông Phan Văn N đứng tên thuộc thửa 512 diện tích 349m² tại ấp 1 xã Tam Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Năm 2005, 2006, Nhà nước nạo vét mở rộng kênh lấy nước canh tác N nghiệp đã lấy hết đất lối đi bờ kênh và một phần diện tích đất ông N 33,7m² thửa 512 nên sau đó các hộ nói trên tiếp tục đi trên phần đất thuộc quyền sử dụng của ông N để ra đường công cộng. Do lối đi là nền đất, vào mùa mưa lầy lội nên vào năm 2019 các hộ trên muốn làm đường đal xi măng thì ông N không cho nên từ đó phát sinh tranh chấp. Các nguyên đơn cho rằng lối đi tranh chấp là đường công cộng nhưng quá trình giải quyết các nguyên đơn thống nhất xác định lối đi tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của ông N nên yêu cầu ông N tiếp tục cho mở lại lối đi cũ và đồng ý hoàn trả giá trị QSDĐ cho ông N. Nhưng ông N và gia đình không đồng ý cho mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tòa sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình ông N tạo lối đi cho hộ bà L, ông B, chị L lối đi diện tích 38,3m² tại thửa đất 512 tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sử dụng của ông N, đồng thời ghi nhận bà L,

ông B, chị L tự nguyện đền bù QSDĐ cho ông N 22.980.000 đồng. Riêng anh Phan Bá K rút yêu cầu khởi kiện nên Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Khanh.

Ngày 11/5/2021 ông N cùng các thành viên chung hộ kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn N, Nguyễn Thị N1, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Q nhận thấy:

Phần đất hộ ông Phan Văn N đứng tên quyền sử dụng đất có nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Khỏe vào năm 1987. Và ông N đã được UBND huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận số 2561-QSDĐ/325-QĐUB-H ngày 13/3/2001 thuộc thửa 512, tờ bản đồ số 3, diện tích 349m² tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất tranh chấp mở lối đi thể hiện:

- + Hướng Đông giáp đường ranh xã Tam Hiệp – Thân Cửu Nghĩa chiều ngang 1,93m.

- + Hướng Tây giáp thửa 508 của ông Phan Văn Tỷ dài 1,55m.

- + Hướng Nam giáp phần đất còn lại của ông N dài 28,06m.

- + Hướng Bắc giáp kênh công cộng chiều dài 28,62m

Tổng diện tích 38,3m² (BL 297)

Trước đây các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía trong đi ra đường ranh công cộng Tam Hiệp – Thân Cửu Nghĩa trên bờ đê kênh nổi nằm giữa đất ông Khỏe và ông Trần Văn Phương (Nay là Phan Văn N, Phan Bá K)

Năm 2006, Nhà nước đào kênh nổi thành kênh chìm lấy nước tưới tiêu cho N dân thì bờ kênh nổi không còn, đồng thời còn giải tỏa đền bù thêm phần đất thửa 512 của ông N là 33,7m² để làm kênh theo quyết định số 1592/QĐ-UBND ngày 03/4/2006 của UBND huyện Châu Thành nên lối đi trên bờ đê không còn. Do đó ông N cho các hộ phía trong đi trên phần đất của gia đình ông ra đường ranh công cộng Tam Hiệp – Thân Cửu Nghĩa từ đó cho đến nay.

Do đường đi này một bên là mép kênh công cộng, một bên là vách tường nhà ông N kích thước hướng Tây 1,55m; hướng đông 1,93m chạy dọc theo vách tường nhà ông N dài 28,06m nên việc đi lại của các hộ phía trong (bà L, ông B, chị L, anh Khanh) làm ảnh hưởng đến kết cấu tường nhà và đời sống của gia đình ông N nên ông N không cho đi nữa thì xảy ra tranh chấp.

Lúc đầu các nguyên đơn khởi kiện cho rằng lối đi hiện hữu là đường công cộng, nhưng quá trình giải quyết vụ án thì bà L, ông B, chị L, anh Khanh đều thừa nhận lối đi đang tranh chấp là đất của ông N nên thay đổi yêu cầu xin mở lối đi qua bất động sản liền kề thuộc thửa 512, tờ bản đồ số 3 do ông N đứng tên nhưng ông N và các thành viên trong gia đình ông đều không chấp nhận. Vì cho rằng việc đi lại của các hộ phía trong qua phần đất của ông ra đường công cộng gây ảnh hưởng kết cấu tường nhà cuộc sống của gia đình ông. Ngoài lối đi qua đất của ông thì các hộ phía trong có thể mở lối đi khác qua đất của anh Khanh thuận lợi hơn.

[5] Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Các thửa đất 508, 510 nằm phía sau đất ông N là của ông Phan Văn Tỷ đứng tên (BL 07). Năm 2012, ông Phan Văn Tỷ chết nên để lại cho các con ông là Phan Thị Ngọc L, Phan Bá K, Phan Thị Phụng Yến quản lý sử dụng. Ông Châu Văn B có thửa đất số 367 nằm phía sau thửa 1718 do ông Trần Văn Phương đứng tên nên đi ra đường công cộng trên bờ đê giáp đất ông Phương. Khi Nhà nước đào kênh thì bờ đê không còn và ông Phương không cho ông B đi trên đất của ông Phương. Do đó ông B bắt cầu trên kênh công cộng qua thửa 508 đất ông Tỷ để cùng các hộ phía trong đi qua đất ông N ra đường ranh Tam Hiệp – Thân Cửu Nghĩa.

Xét thấy phần diện tích đất mà các nguyên đơn yêu cầu mở lối đi có vị trí nằm về phía Bắc của thửa đất 512 và giáp với kênh công cộng. Lối đi này các hộ phía bên trong đất ông N đã đi hơn 10 năm và cũng là lối đi thuận tiện nhất để ra đường công cộng, hiện tại không còn lối đi nào khác ngoài lối đi này nên các nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục đi là phù hợp với quy định Điều 254 Bộ luật dân sự năm 2015 “bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại của các bên”, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do các nguyên đơn được sử dụng lối đi trên đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N, nên các nguyên đơn phải đền bù giá trị đất cho hộ ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 254 Bộ luật dân sự “... chủ sở hữu bất động sản hưởng quyền về lối đi qua phải đền bù cho chủ sở hữu bất động sản chịu hưởng quyền, trừ trường hợp có thỏa thuận khác...” Tại phiên tòa sơ thẩm, các nguyên đơn đồng ý đền bù giá trị đất cho hộ ông N với số tiền (600.000 đồng/m² x 38,3m²) là 22.980.000 đồng, theo biên bản định giá ngày 19/8/2020, xét thấy sự tự nguyện này phù hợp với quy định của luật nên ghi nhận như quyết định án sơ thẩm đã xử.

Đối với ý kiến của chị Đ, chị Q và bà Nguyệt, không đồng ý mở lối đi, vì việc đi lại của các hộ dân ở phía trong làm ảnh hưởng đến cấu trúc căn nhà của gia đình ông N. Ngoài ra các hộ này có thể tạo lối đi khác là qua đất của anh Phan Bá K (thửa 1718) hoặc qua đất của ông Trần Văn Mạn và đi ngược lại vào trong thửa đất 508 (song song với con kênh công cộng) nếu họ thương lượng với chủ đất trên. Xét thấy lời trình bày này là không có cơ sở, bởi lối đi hiện đang tranh chấp là lối đi duy nhất hiện có, còn lối đi mà bà Nguyệt, chị Đ, chị Q chỉ theo 03 hướng, qua đất anh Khanh, ông Mạn và hướng đi ngược vào thửa 508 (song song với con kênh công cộng), chị Q, chị Đ, bà Nguyệt thừa nhận hiện nay đều có hàng rào, không có lối đi trên thực tế nên không thể đi.

[6] Quá trình giải quyết vụ án từ sơ thẩm đến phúc thẩm, chị Đ, chị Q và bà Nguyệt thống nhất với diện tích đất tranh chấp theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất và biên bản thẩm định cùng ngày 19/8/2020 nhưng không đồng ý với giá đất chuyển nhượng thực tế tại địa phương theo biên bản định giá ngày 19/8/2020, tuy nhiên không yêu cầu định giá lại. Do đó Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật bằng giá đất thực tế chuyển nhượng tại địa phương như án sơ thẩm đã xử.

[7] Do yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 được chấp nhận, nên được đăng ký đất đai theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 Luật đất đai năm 2013.

Các phần còn lại không bị kháng cáo kháng nghị nên được giữ nguyên.

[8] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện xin mở lối đi của các nguyên đơn được chấp nhận, nên bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Phan Văn N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí dân sự nên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị N1 cũng được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định trên.

Đối với giá trị đất mà bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 yêu cầu mở lối đi trên phần đất thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N, nên bà L, ông B, chị L phải có trách nhiệm đền bù cho hộ ông N là 600.000 đồng x 38,3m² thành tiền là 22.980.000 đồng. Vì vậy bà L, ông B, chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là (22.980.000 đồng x 5%) là 1.149.000 đồng. Tuy nhiên bà L, ông B có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, vì vậy ông B, bà L được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị L phải chịu án phí 383.000 đồng.

Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 270, 293, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 296, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị N1, chị Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q, anh Phan Ngọc T.

Giữ nguyên quyết định án sơ thẩm số 149/2021/DSST ngày 27/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 4, Điều 5, khoản 9 Điều 26, khoản 2 Điều 244, Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 246, 248, 254 và 357 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào điểm k khoản 4 Điều 95, 166, 170, 171 và 203 Luật Đất đai; Điều 2 Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Phan Bá K về việc xin mở lối đi trên đất thửa 512, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 về việc yêu cầu mở lối đi trên đất thửa 512, tờ bản đồ số 3 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Phan Văn N tại Ấp 1, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Buộc hộ ông Phan Văn N gồm: Ông Phan Văn N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc Q, Phan Ngọc T, Phan Thị Ngọc H (bà Nguyễn Thị N1 đại diện theo pháp luật cho chị H) cho hộ bà Phan Thị Ngọc L, hộ ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 lối đi có tổng diện tích là 38,3m² thuộc thửa 512, tờ bản đồ số 3, loại đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2561 cấp cho hộ Phan Văn N ngày 13/3/2001, có vị trí tứ cận như sau:

- Hướng Bắc giáp với con kênh công cộng chiều dài 28,62m;
- Hướng Nam giáp với phần đất còn lại của thửa 512 do ông Phan Văn N đứng tên chiều dài 28,06m;
- Hướng Đông giáp với đường ranh T – T1 chiều dài 1,93m;
- Hướng Tây giáp với thửa đất 508 do ông Phan Văn T đứng tên chiều dài 1,55m.

(Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2020 kèm theo).

3/ Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 chịu trách nhiệm bồi đắp đền bù cho hộ ông Phan Văn N số tiền là 22.980.000 đồng (hai mươi hai triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Hai bên thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Phan Văn N có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền đền bù, nếu bà L, ông B, chị L chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4/ Bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B, chị Châu Thị L1 được đăng ký đất đai về quyền sử dụng lối đi theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 Luật Đất đai năm 2013.

5/ Về án phí:

- Ông Phan Văn N được miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.
- Bà Phan Thị Ngọc L, ông Châu Văn B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.
- Bà Nguyễn Thị N1 được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Anh Phan Quốc T, chị Phan Thị Ngọc Đ, Phan Thị Ngọc M, Phan Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Chị Châu Thị L1 phải chịu 383.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Châu Văn B, Châu Thị L1, Phan Thị Ngọc L, Phan Bá K 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002923 ngày 22/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- Trả lại ông Phan Văn N, bà Nguyễn Thị N1, anh Phan Ngọc T, chị Phan Thị Ngọc M, chị Phan Thị Ngọc Đ, chị Phan Thị Ngọc Q 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004336 ngày 11/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên vào lúc 08 giờ ngày 27 tháng 01 năm 2022, có mặt bà L, chị L, chị Đ, chị Q, vắng mặt kiểm sát viên và các đương sự còn lại/.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Mai Hoàng Khải